

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CHO ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh - Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Nghị định này quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về: - Lập, phê duyệt, giao, điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 05 năm và hằng năm. - Quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. - Cơ chế tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân. - Cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia. - Phân cấp quản lý, nâng cao năng lực, truyền thông và công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 30, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.	Xác định rõ phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết theo đúng nội dung Chính phủ giao HĐND cấp tỉnh tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: “Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định này. Các tỉnh, thành phố không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
gia. 6. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát và chế độ báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ): Nghị quyết này quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất công đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025 - Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước cũ: Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước		<i>ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công."</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng - Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia. Tại Khoản 2, Điều 23. Quản lý, tổ chức thực hiện	Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị quyết này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã); các cơ quan, tổ chức; cộng đồng dân cư; hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng; hộ dân tộc thiểu số; người có công với cách	Đối tượng áp dụng căn cứ theo Điều 2 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1, điểm b khoản 1 Điều 27 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT; kế thừa quy định về hộ mới thoát nghèo

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
hoạt động hỗ trợ sản xuất quy định: Các dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số. - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ): a) Hộ nghèo có ít nhất một thành viên có khả năng lao động; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); người khuyết tật có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh. b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. - Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước cũ: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách trong dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa	mạng; phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số; cá nhân, hộ gia đình tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố.	trong vòng 36 tháng tại điểm a khoản 2 Mục II Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung khoản 2 Điều 29 dự thảo Nghị định của Chính phủ về quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình MTQG phát triển văn hoá – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 được Bộ Tài chính trình Chính phủ.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
bản tỉnh Bình Phước.		
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: khoản 3 Điều 26. Điều kiện lựa chọn và phương thức, nội dung, mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: <i>”3. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: a) Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của chủ chương trình; b) Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</i> <i>c) Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước thực hiện 01 dự án, nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.</i> - Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ), theo đó có quy định <i>”Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết tối đa không quá 05 tỷ đồng; hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện một dự án/kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn 80%, địa bàn khó khăn 70%, địa bàn phạm vi khác 50%.”</i> - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ): Không quy định.	Điều 3. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 (một) dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị 1. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước cho 01 (một) dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là 5.000.000.000 đồng. Mức hỗ trợ tối đa được tính trên tổng mức đầu tư của dự án theo địa bàn thực hiện, cụ thể: xã khu vực III là 80%, xã khu vực II là 70%, xã khu vực I là 60%, các xã còn lại là 50%. 2. Định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án a) Chủ trì liên kết: Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với Chủ trì liên kết được tính trên tổng mức đầu tư của Chủ trì liên kết, trong đó: đối với xã khu vực III là 80%, xã khu vực II là 70%, xã khu vực I là 60% và các xã còn lại là 50%; đồng thời không quá 1,5 tỷ đồng/dự án. b) Định mức hỗ trợ đối với các đối tượng khác tham gia liên kết: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng; đối với các đối tượng còn lại, định	a) Về mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án: - Kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ). Đối với chủ trì liên kết (doanh nghiệp hoặc hợp tác xã): mức tối đa 1,5 tỷ đồng, tương ứng 30% tổng mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách cho một dự án, được đề xuất trên cơ sở tham chiếu cơ chế khuyến khích liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Đề xuất định mức hỗ trợ 100% đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ đối với nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, khả năng huy động nguồn lực đối ứng hạn chế; Mức hỗ trợ cho các đối tượng khác

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
- Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ): a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. b) Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết tại điểm a khoản 1 Điều này tối đa không quá 05 tỷ đồng. - Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bình Phước cũ: a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Chỉ hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện không quá 05 tỷ đồng/dự án, kế hoạch liên kết.	mức hỗ trợ được xác định trên tổng mức đầu tư của đối tượng theo địa bàn thực hiện dự án, trong đó xã khu vực III là 80%, xã khu vực II là 70%, xã khu vực I là 60%, các xã còn lại là 50%; đồng thời không quá 60 triệu đồng/hộ. 3. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn thôn đặc biệt khó khăn, áp dụng chính sách hỗ trợ tương ứng như đối với địa bàn xã khu vực III.	tham gia dự án (<i>khu vực III là 80%, khu vực II 70%, khu vực I là 60% ; các xã còn lại là 50%</i>): Đề xuất phân theo từng địa bàn nhằm bảo đảm phù hợp điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động nguồn lực của người dân tại từng khu vực và nguyên tắc ưu tiên ngân sách nhà nước đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Điều 30. Điều kiện lựa chọn và phương thức, nội dung, mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Điều 4. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 (một) dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
3. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước a) Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án phát triển sản xuất của cộng đồng theo quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của chủ chương trình. b) Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất của cộng đồng, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. c) Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước thực hiện 01 dự án, nhưng không vượt mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ): 1. Nội dung hỗ trợ a) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi. b) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. c) Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm. d) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả. đ) Xây dựng, quản lý dự án.	1. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước cho 01 (một) dự án là 3.000.000.000 đồng. Mức hỗ trợ tối đa được tính trên tổng mức đầu tư của dự án theo địa bàn thực hiện, cụ thể: xã khu vực III là 95%, xã khu vực II là 80%, xã khu vực I là 70%, các xã còn lại là 60%. 2. Định mức hỗ trợ đối với các đối tượng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng; đối với các đối tượng còn lại, định mức hỗ trợ được xác định trên tổng mức đầu tư của đối tượng theo địa bàn thực hiện dự án, trong đó xã khu vực III là 95%, xã khu vực II là 80%, xã khu vực I là 70%, các xã còn lại là 60%; đồng thời không quá 50 triệu đồng/hộ. 3. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn thôn đặc biệt khó khăn, áp dụng chính sách hỗ trợ tương ứng như đối với địa bàn xã khu vực III.	Phước (cũ). Đề xuất mức hỗ trợ tối đa cho một dự án 03 tỷ đồng phù hợp với tình hình thực tiễn trong triển khai chính sách thời gian qua, đồng thời khuyến khích các tổ nhóm cộng đồng triển khai đa dạng các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện từng địa phương. Mức hỗ trợ Dự án phát triển sản xuất cộng đồng phân theo địa bàn (<i>khu vực III là 95%, khu vực II 80%, khu vực I là 70% ; các xã còn lại là 60%</i>): trên cơ sở ưu tiên bố trí nguồn lực đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, phù hợp với mục tiêu của các Chương trình mục tiêu quốc gia. Việc nâng mức hỗ trợ tối đa lên 50 triệu đồng/hộ nhằm đảm bảo người dân có đủ nguồn lực đầu tư sản xuất, phát triển hiệu quả nguồn vốn và nâng cao khả năng tham gia, duy trì dự án.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
2. Mức hỗ trợ, quay vòng vốn từ nguồn ngân sách a) Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với dự án tối đa 60% tổng chi phí thực hiện 01 (một) dự án, trong đó: - Mức hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này tối thiểu 85% tổng chi phí hỗ trợ thực hiện dự án. - Mức hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này theo thực tế nhưng tối đa 15% tổng chi phí hỗ trợ thực hiện dự án. b) Việc quay vòng vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ. 3. Tỷ lệ vốn đối ứng của các hộ dân tham gia dự án tối thiểu 40% tổng chi phí thực hiện 01 (một) dự án. Đối ứng của hộ dân thông qua ngày công lao động, vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi đáp ứng nội dung dự án. - Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ): a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một dự án, phương án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một dự án, phương án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một dự án, phương án trên các		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia; b) Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, phương án sản xuất cộng đồng tại điểm a khoản 1 Điều này tối đa không quá 03 tỷ đồng”. - Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bình Phước cũ: b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Chỉ hỗ trợ tối đa 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện không quá 03 tỷ đồng/dự án.		
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Điều 35. Cơ chế hỗ trợ 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ là danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. 2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/01 dự án. Khuyến khích bên	Điều 5. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 (một) dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ 1. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước cho 01 (một) dự án áp dụng theo điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. 2. Mức hỗ trợ đối tượng tham gia dự án theo quy định tại điểm a, điểm b Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị	Theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, chỉ trường hợp địa phương có nhu cầu và khả năng cân đối ngân sách để tăng mức hỗ trợ trên 03 tỷ đồng/dự án thì HĐND thành phố mới phải ban hành quy định; đồng thời kế thừa quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 6 Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bình Phước hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng/dự án.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
nhận đặt hàng, các hộ gia đình, cộng đồng tham gia dự án có đóng góp đối ứng bằng tiền, ngày công hoặc hiện vật. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ): Không quy định. - Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ): Không quy định. - Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bình Phước cũ: c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án không quá 3 tỷ đồng.	quyết này. 3. Mức hỗ trợ đối tượng tham gia dự án quy định tại điểm c, điểm d Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.	- Đối với dự án quy định tại điểm a, điểm b Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, bao gồm dự án khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu để khôi phục sản xuất khẩn cấp và dự án nhằm cân đối cung - cầu, ổn định thị trường, giá cả nông sản, vật tư đầu vào. Đề xuất định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này (áp dụng định mức của Dự án phát triển sản xuất cộng đồng). + Đối với dự án quy định tại điểm c, điểm d Điều 34 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Bao gồm dự án gắn sản xuất với dịch vụ du lịch nông thôn và dự án đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, Đề xuất Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này (áp dụng định mức của Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị).

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, điểm đ, khoản 1 Điều 56 quy định: đ) Các tỉnh, thành phố không nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình, dự án, cơ chế, chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công	Điều 6. Kinh phí thực hiện Nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	Nghị quyết quy định nguồn kinh phí thực hiện, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, điểm d, khoản 1 Điều 56 quy định nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: d) Mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất tại địa phương theo quy định tại Điều 26, Điều 30, Điều 35 Nghị định này.	Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân thành phố và trách nhiệm giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết đúng quy định, công khai, minh bạch và hiệu quả.
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, điều 59. Hiệu lực	Điều 8. Hiệu lực thi hành	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. 2. Bãi bỏ các quy định sau đây: a) Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. b) Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. c) Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. 3. Đối với các nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước và các nội dung không được quy định tại Nghị định này thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. 4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa	1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc thực hiện áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Quy định thời điểm có hiệu lực thi hành của Nghị quyết; quy định việc áp dụng các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm tính thống nhất và liên tục trong quá trình thực hiện.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
đổi, bổ sung đó. - Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ): Không quy định. - Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ): Điều 5. Điều khoản thi hành 1. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định hiện hành khác. 2. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH KÉO DÀI NĂM 2025 SANG NĂM 2026 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT 257/2025/QH15 VÀ THÔNG TƯ SỐ 60/2026/TT-BTC	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
quyết này có hiệu lực thi tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.		